

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2020/DS-PT
Ngày: 22-5-2020
V/v Tranh chấp đòi lại
tài sản là quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Triển.

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Ngẫu;

Bà Trương Thị Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Song Tố Như, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2020/TLPT-DS ngày 31 tháng 01 năm 2020, về “Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất”; do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 67/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B (nay là thị xã B), tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 78/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Bé H, sinh năm 1972 và ông Phạm Văn P, sinh năm 1969; cả hai cùng trú tại: Tổ 7, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Huỳnh Thị Bé H:

Ông Trần Tố T, Luật sư của Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1954; trú tại: số 0430, ấp P, xã T (nay là phường T), huyện B (nay là thị xã B), tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Ngọc A: Ông Phạm Thanh Đ, sinh năm 1964; trú tại: Số 27/6, đường C, khu phố Y, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 18-02-2019); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân huyện B (nay là thị xã B); địa chỉ: Số 03, đường G, khu phố L, thị trấn B (nay là phường B), huyện B (nay là thị xã B), tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Anh M, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B (nay là thị xã B).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn C, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B (nay là thị xã B); Tòa án không triệu tập

+ Anh Đặng Quốc T, sinh năm 1976; địa chỉ: số 0430, ấp P, xã T (nay là phường T), huyện B (nay là thị xã B), tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh T: Ông Phạm Thanh Đ, sinh năm 1964; trú tại: Số 27/6, đường C, khu phố Y, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 18-02-2019); có mặt.

+ Chị Cao Thị Hồng C, sinh năm 1975; địa chỉ: số 0430, ấp P, xã T (nay là phường T), huyện B (nay là thị xã B), tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1941; địa chỉ: số 0430, ấp P, xã T (nay là phường T), huyện B (nay là thị xã B), tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

+ Anh Phạm Hoài N, sinh năm 1990; Tòa án không triệu tập

+ Anh Phạm Hoài L, sinh năm 2001; Tòa án không triệu tập

Cùng trú tại: Ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Ngọc A – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20-11-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bé H trình bày:

Bà và chồng bà (ông Phạm Văn P) được quyền sử dụng diện tích đất 131,8 m², thửa 661, tờ bản đồ 35, tọa lạc tại ấp P, xã T (nay là phường T), huyện B (nay là thị xã B), tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01445 do Ủy ban nhân dân huyện B (nay là thị xã B) cấp ngày 14-9-2006.

Nguồn gốc đất do mẹ ruột là bà Nguyễn Thị N cho. Đến năm 2007, bà Nguyễn Ngọc A (là em cùng mẹ khác cha với bà N) xin về ở nhờ nên vợ chồng bà cho bà A che tạm một căn nhà lá để ở. Hai bên có thỏa thuận miệng với nhau khi nào vợ chồng bà có nhu cầu lấy lại để xây nhà cho con trai ra riêng thì bà Nguyễn Ngọc A phải dọn nhà đi và trả lại đất.

Đến năm 2018, khi bà có nhu cầu lấy lại đất thì bà phát hiện bà Nguyễn Ngọc A cố tình lén lút xây dựng nhà kiên cố trên đất, không thông qua ý kiến của vợ chồng bà. Vợ chồng bà đã thông báo cho chính quyền địa phương biết và Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T) đã lập biên bản về việc đình chỉ việc xây dựng nhà trên đất của vợ chồng bà nhưng bà Nguyễn Ngọc A không chấp hành.

Nay, vợ chồng bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Ngọc A và con bà A là anh Đặng Quốc T trả lại cho vợ chồng bà diện tích đất 131,8 m², thuộc thửa 661, tờ bản đồ 35, tọa lạc tại ấp P, xã T (phường T), huyện B (nay là thị xã B), tỉnh Tây Ninh.

Nguyên đơn ông P trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Huỳnh Thị Bé H, ông không trình bày bổ sung.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn (bà Nguyễn Ngọc A), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Đặng Quốc T) - ông Phạm Thanh Đ trình bày:

Năm 1985, bà Nguyễn Ngọc A sinh sống tại khu phố G, thị trấn B (phường B), huyện B (nay là thị xã B), tỉnh Tây Ninh. Đến năm 1986, bà Nguyễn Thị N (chị cùng mẹ khác cha với bà A) cho bà Nguyễn Ngọc A một phần đất cất nhà ở trong khuôn viên đất của bà N tại ấp P, xã T (phường T), huyện B (nay là thị xã B), tỉnh Tây Ninh. Việc cho đất không lập thành văn bản, cũng không lập giấy tay. Bà Huỳnh Thị Bé H và ông Phạm Văn P đăng ký quyền sử dụng đất bao trùm luôn phần đất bà được bà N cho. Ủy ban nhân dân huyện B (nay là thị xã B) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Huỳnh Thị Bé H, ông Phạm Văn P là sai với quy định tại khoản 1 Điều 46; khoản 3, khoản 4 Điều 49; Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003, bởi vì chủ thể được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải là người đang sử dụng đất. Thực tế, bà A là người đang sử dụng đất, hộ bà H, ông P không có thời gian sử dụng đất. Theo đơn kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất, bà H khai nguồn gốc đất là của bà N nhưng trên thực tế bà N chưa được cơ quan Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất; bà H cho rằng được mẹ cho đất nhưng không trình bày được thời điểm cho đất, thời điểm bàn giao quyền sử dụng đất. Ngoài ra, không có tài liệu nào chứng minh việc bà A mượn đất để ở nhờ.

Nay, bà A không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bé H và ông Phạm Văn P đồng thời yêu cầu Tòa án hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H01445 do Ủy ban nhân dân huyện B (nay là thị xã B) cấp ngày 14-9-2006 cho hộ bà Huỳnh Thị Bé H, ông Phạm Văn P đối với diện tích đất 131,8 m², thửa 661, tờ bản đồ 35, tọa lạc tại ấp P, xã T (phường T), huyện B (nay là thị xã B), tỉnh Tây Ninh.

Anh T thống nhất với lời trình bày của bà A.

Bị đơn - bà A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh T xác định lời trình bày của người đại diện hợp pháp là đúng, không trình bày bổ sung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện B (nay là thị xã B) trình bày:

Tại Công văn số: 248/UBND ngày 19-11-2019 của Ủy ban nhân dân huyện B (nay là thị xã B) thể hiện: Việc Ủy ban nhân dân huyện B (nay là thị xã B) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H01445 ngày 14-9-2006 cho ông Phạm Văn P và

bà Huỳnh Thị Bé H đứng tên sử dụng thửa đất số 661, tờ bản đồ 35, diện tích 131,8 m², tọa lạc tại ấp P, xã T (phường T), huyện B (nay là thị xã B) là đúng đối tượng và đúng quy định của pháp luật. Việc bà Nguyễn Ngọc A yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H01445 ngày 14-9-2006 cấp cho ông Phạm Văn P và bà Huỳnh Thị Bé H đứng tên sử dụng, là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Cao Thị Hồng C trình bày: Chị là vợ của anh T, là dâu của bà A; chị thống nhất với lời trình bày của bà A và có cùng nguyện vọng với bà A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà là chị ruột cùng mẹ khác cha với bà A. Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của cha bà để lại cho bà; bà có cho bà A ở nhờ, sau này khi bà A dời nhà về ngã ba Cây Khế sinh sống thì trả lại phần đất trên cho bà. Đến khi con gái bà là bà H có chồng, bà cho phần đất trên cho vợ chồng bà H, ông P. Sau khi bà H đăng ký và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà A tiếp tục xin quay về ở nhờ. Nay, bà đề nghị bà A trả lại phần đất tranh chấp cho bà H, ông P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Nam, anh Linh trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà H, ông P. Hai anh xác định phần đất tranh chấp là của ông P, bà H. Anh N, anh L không tranh chấp và đề nghị bà A trả lại phần đất tranh chấp cho ông P, bà H.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 67/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B (nay là thị xã B), tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 50, 52 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 12, 14, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bé H, ông Phạm Văn P đối với bà Nguyễn Ngọc A về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất”.

2. Buộc bà Nguyễn Ngọc A, anh Đặng Quốc T, chị Cao Thị Hồng C phải xử lý, tháo dỡ, di dời, đập bỏ, thu dọn toàn bộ tài sản trên đất gồm:

- + Một căn nhà gỗ thứ nhất, lợp tole, nền gạch vỉa hè, diện tích 24 m²;*
- + Một căn nhà gỗ thứ hai, lợp tole, nền gạch bông, diện tích 55,8 m²; hướng Nam che bằng vách tarp, gỗ tạp, hướng Tây che bằng tole;*
- + Một mái che, lợp tole, diện tích 7,5 m² (có một mặt xây tường cao 2,5 m, dán gạch bông lên tường 1,2 m), xây dựng năm 2018;*
- + Một phòng, nền gạch men diện tích 15,3 m² (trong đó có một phần diện tích 5,625 m² nằm trong nhà gỗ thứ hai;*
- + Một nhà vệ sinh, diện tích 4,62 m²;*

- + Một trụ xi măng, ngang 0,6 m, dài 0,6 m, cao 3,5 m, có bồn nước phía trên;
- + Một nhà bếp, ngang 4,1 m dài (hướng Bắc 0,9 m, hướng Nam 3,1 m), chiều dài có một phần nằm trong nhà gỗ thứ hai là 1,2 m;

Để trả lại cho ông Phạm Văn P, bà Huỳnh Thị Bé H diện tích đất 131,8 m², thửa 661, tờ bản đồ 35 (lưới 2005), loại đất ONT; tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H01445 ngày 14-9-2006 Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ bà Huỳnh Thị Bé H, ông Phạm Văn P; có tứ cận như sau:

- + Đông giáp đường nhựa, dài 8,1 m;
- + Tây giáp thửa 385, dài 1,41 m + 13,69 m;
- + Nam giáp đất ông Sang, dài 21,35 m;
- + Bắc giáp thửa 385, dài 4,40 m + 5,65 m.

(có sơ đồ kèm theo)

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc A yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H01445 ngày 14-9-2006 Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ bà Huỳnh Thị Bé H, ông Phạm Văn P đối với phần diện tích đất bà H, ông P tranh chấp với bà A, diện tích 131,8 m², thửa 661, tờ bản đồ 35 (lưới 2005), loại đất ONT; tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H01445 ngày 14-9-2006 Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ bà Huỳnh Thị Bé H, ông Phạm Văn P; có tứ cận như sau:

- + Đông giáp đường nhựa, dài 8,1 m;
- + Tây giáp thửa 385, dài 1,41 m + 13,69 m;
- + Nam giáp đất ông Sang, dài 21,35 m;
- + Bắc giáp thửa 385, dài 4,40 m + 5,65 m.

* Bà Nguyễn Ngọc A, anh Đặng Quốc T, chị Cao Thị Hồng C được quyền lưu cư trong thời hạn 06 (sáu) tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực thi hành. Quá thời hạn mà chưa thực hiện sẽ bị thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 05 tháng 12 năm 2019, bà Nguyễn Ngọc A có đơn kháng cáo, nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đồng thời chấp nhận yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H01445 ngày 14-9-2006, Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ bà Huỳnh Thị Bé H, ông Phạm Văn P đối với phần diện tích đất bà H, ông P tranh chấp với bà.

Tại phiên tòa, Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Huỳnh Thị Bé H - ông Trần Tổ Tụng trình bày:

Phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn; nguyên đơn chỉ

cho bị đơn ở nhờ; nay nguyên đơn có nhu cầu sử dụng đất nên yêu cầu bị đơn phải di dời tài sản đồng thời trả lại quyền sử dụng đất cho nguyên đơn là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng pháp luật; từ đó đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa;

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc A:

[2] Phần đất tranh chấp có diện tích 131,8 m², thửa 661, tờ bản đồ 35 (lưới 2005), loại đất ONT; đất tọa lạc tại ấp P, xã T (phường T), huyện B (nay là thị xã B), tỉnh Tây Ninh; Ủy ban nhân dân huyện B (nay là thị xã B), tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Huỳnh Thị Bé H, ông Phạm Văn P vào ngày 14-9-2006. Tại thời điểm kê khai, đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17-5-2005, hộ bà H gồm có bốn thành viên: Bà H, ông P, anh N và anh L.

[3] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Kết quả thu thập chứng cứ thể hiện là của bà Nguyễn Thị N (là chị cùng mẹ khác cha với bà Nguyễn Ngọc A), tình tiết này đã được bị đơn thừa nhận nên không cần phải chứng minh. Vào năm 1985, bà N có cho bà A ở nhờ trên đất; đến năm 2000 bà A dời về ngã ba Cây Khế sinh sống và trả lại đất cho bà N. Vào năm 2005, bà N tặng cho bà H, ông P diện tích đất 370,4 m², trong đó có phần đất tranh chấp; vợ chồng bà H, ông P sử dụng, kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện B (nay là thị xã B) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14-9-2006; đến ngày 28-02-2007 vợ chồng bà H, ông P chuyển nhượng diện tích 238,6 m² đất cho ông Lê Văn S; diện tích đất còn lại là 131,8 m²; bà H, ông P cho bà A ở nhờ.

[4] Bà A và người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng diện tích đất tranh chấp tuy của bà N nhưng bà N đã cho bà A sử dụng vĩnh viễn, nhưng bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có cơ sở. Bên cạnh đó, trong suốt quá trình sử dụng đất bà A không kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất;

trong khi bà H và ông P đã tiến hành kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện B (nay là thị xã B) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 14-9-2006; sau đó bà H và ông P chuyển nhượng một phần đất cho ông Sang; bà A biết nhưng không ngăn cản. Hơn nữa, khi bà A xây dựng nhà kiên cố trên đất, vợ chồng bà H, ông P có trình báo với Ủy ban nhân dân xã T (phường T) để lập biên bản đình chỉ việc xây dựng nhưng bà A vẫn tiếp tục xây dựng nhà trên phần đất tranh chấp (BL 01-04).

[5] Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự nên Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 2 của Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự phúc thẩm cho bà A, vì bà A là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc A; giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 67/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh (có chỉnh sửa về cách tuyên cho súc tích).
3. Căn cứ vào Điều 50, 52 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 12, 14, 26, 27; Điều 2 của Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bé H, ông Phạm Văn P đối với bà Nguyễn Ngọc A về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất”.
5. Buộc bà Nguyễn Ngọc A, anh Đặng Quốc T, chị Cao Thị Hồng C phải có trách nhiệm di chuyển toàn bộ tài sản trên diện tích đất 131,8 m², thửa 661, tờ bản đồ 35 (lưới 2005), loại đất ONT; tọa lạc tại ấp P, xã T (phường T), huyện B (nay là thị xã B), tỉnh Tây Ninh; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H01445 ngày 14-9-2006 Ủy ban nhân dân huyện B (nay là thị xã B) cấp cho hộ bà Huỳnh Thị Bé H, ông Phạm Văn P (để giao trả đất cho bà Huỳnh Thị Bé H, ông Phạm Văn P); đất có tứ cận như sau:

+ Đông giáp đường nhựa, dài 8,1 m;

- + Tây giáp thửa 385, dài 1,41 m + 13,69 m;
- + Nam giáp đất ông Sang, dài 21,35 m;
- + Bắc giáp thửa 385, dài 4,40 m + 5,65 m.

(có sơ đồ kèm theo, BL 158)

5.1. Các tài sản phải di chuyển trên diện tích đất 131,8 m², bao gồm:

- + Một căn nhà gỗ thứ nhất, lợp tole, nền gạch vỉa hè, diện tích 24 m²;
- + Một căn nhà gỗ thứ hai, lợp tole, nền gạch bông, diện tích 55,8 m²; hướng Nam che bằng vách tấp, gỗ tạp, hướng Tây che bằng tole;
- + Một mái che, lợp tole, diện tích 7,5 m² (có một mặt xây tường cao 2,5 m, dán gạch bông lên tường 1,2 m), xây dựng năm 2018;
- + Một phòng, nền gạch men diện tích 15,3 m² (trong đó có một phần diện tích 5,625 m² nằm trong nhà gỗ thứ hai;
- + Một nhà vệ sinh, diện tích 4,62 m²;
- + Một trụ xi măng, ngang 0,6 m, dài 0,6 m, cao 3,5 m, có bồn nước bên trên;
- + Một nhà bếp, ngang 4,1 m dài (hướng Bắc 0,9 m, hướng Nam 3,1 m), chiều dài có một phần nằm trong nhà gỗ thứ hai là 1,2 m;

5.2. Nếu người có tài sản không di chuyển tài sản hoặc tài sản không thể di chuyển được thì tài sản đó phải bị tháo dỡ. Trường hợp người có tài sản không tự nguyện di chuyển tài sản thì bị xử lý tài sản theo quy định tại Điều 113 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự.

6. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc A yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H01445 ngày 14-9-2006 Ủy ban nhân dân huyện B (nay là thị xã B) cấp cho hộ bà Huỳnh Thị Bé H, ông Phạm Văn P [đối với phần diện tích 131,8 m², thửa 661, tờ bản đồ 35 (lưới 2005), loại đất ONT; tọa lạc tại ấp P, xã T (phường T), huyện B (nay là thị xã B), tỉnh Tây Ninh].

7. Bà Nguyễn Ngọc A, anh Đặng Quốc T, chị Cao Thị Hồng C được quyền lưu cư trong thời hạn 06 (sáu) tháng, tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; quá thời hạn nêu trên mà các đương sự không thực hiện sẽ bị cưỡng chế thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

8. Chi phí tố tụng: Ghi nhận bà H, ông P tự nguyện chịu 3.000.000 (ba triệu) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; ghi nhận bà H, ông P đã nộp đủ và đã chi phí xong.

9. Án phí:

- Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Ngọc A.

- Anh T, chị Cúc phải chịu chung 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (chưa nộp).

- Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Bé H, ông Phạm Văn P 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu số: 0016810 ngày 13-02-2019 và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số: 0017155 ngày 16-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh.

10. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

11. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND.TTN;
- TAND. thị xã B;
- Chi cục THADS. thị xã B;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án DSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Triển

